TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN L** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/12/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN L

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nH dân: Ông Nguyễn Xuân Quốc và ông Nguyễn Đức Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Quang Thiên - Thư ký Tòa án nH dân huyện L, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện L tỉnh B tham gia phiên toà***: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024 tại Trụ sở Tòa án nH dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS, ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị K, sinh năm 1996 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình B, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn My Xuyên, xã An Tập, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nH: Chị Chu Thị K kết hôn cùng anh Phạm Đình B vào ngày 11/01/2016. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã M (nay là xã An Tập), huyện L, tỉnh B. Sau cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị K về chung sống cùng anh B ngay. Vợ chồng có thời gian ngắn chung sống hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nH là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã 02 lần vợ chồng ý định ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng nhất là tháng 9/2024 cũng từ

nguyên nH trên và vợ chồng đã xảy ra việc đánh cãi chửi nhau và cũng từ tháng 9/2024 đến nay vợ chồng sống ly tH chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Gia H, sinh ngày 28/8/2016, hiện con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang kinh doanh mở hàng ăn ở thị trấn Thứa, huyện L thu nhập B quân từ 15.000.000 đồng/tháng. Chị không có nhà đất riêng mà đang thuê nhà để ở và kinh doanh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Tòa án triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi pH tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Chu Thị K được ly hôn với anh Phạm Đình B.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Gia H, sinh ngày 28/8/2016 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị Chu Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị K đối với anh Phạm Đình B thì thấy: Anh Phạm Đình B có nơi cư trú: Thôn My Xuyên, xã An Tập, huyện L, tỉnh B. Do vậy, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Toà án nH dân huyện L được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh B vẫn sinh sống làm ăn ở tại địa phương, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh B nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh B thông qua bố đẻ anh B là ông Phạm Đình Tuyền. Ông Tuyền xác nhận sau khi nhận thay anh B các văn bản tố tụng của Toà án, ông đã giao các văn bản tố tụng tới tận tay anh B. Do vậy, HĐXX xác định quyền và nghĩa vụ của anh B đã được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay mặc dù anh B vắng mặt. Xét thấy sau khi hoãn phiên toà lần thứ nhất, anh B đã được Tòa án đã được tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần hai là anh B đã tự bỏ quyền tố tụng của mình nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nH: Chị Chu Thị K kết hôn cùng anh Phạm Đình B vào ngày 11/01/2016. Trước khi đăng ký kết hôn, đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã M (nay là xã An Tập), huyện L, tỉnh B. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nH giữa chị K và anh B là hợp pháp. Xét nguyên nH xảy ra mâu thuẫn của chị K anh B thì thấy: Căn cứ vào lời khai của chị K và kết quả xác minh tại gia đình anh B có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị K anh B xảy ra từ năm 2018 đến nay, nguyên nH là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc, anh B cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và cũng không có phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn của vợ chồng chị K anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K và xử cho chị K được ly hôn với anh B là phù hợp các Điều 51, 56 Luật Hôn nH và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác định chị K và anh B có 01 cháu là Phạm Thị Gia H, sinh ngày 28/8/2016. Ly hôn chị K nhận nuôi cháu H và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh B: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh B không đến Tòa làm việc và cũng không gửi ý kiến của mình cho Tòa án nên anh B không có quan điểm về việc nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem

xét việc giao cháu H cho chị K hay anh B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì phải đảm bảo sự phát triển B thường và học tập tốt nhất của cháu H. Xét điều kiện kinh tế: Chị K có cửa hàng phục vụ ăn uống ở thị trấn Thứa, huyện L thu nhập B quân 15.00.000 đồng/1tháng. Xét về về thời gian quan tâm chăm sóc cháu H thì thấy: Từ khi chị K anh B ly tH thì cháu H vẫn ở với chị K, chị K là người đưa đón cháu H đi học và là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H hằng ngày. Cháu H đã trên 7 tuổi nên cháu cũng nhận thức được việc ở với bố hay mẹ sẽ đảm bảo cuộc sống và học tập tốt của cháu và cháu H đã có nguyện vọng được ở với chị K. Mặt khác căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện việc khi anh B và chị K ly tH đã thống nhất khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cháu H cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định chị K có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H tốt hơn anh B nên giao cho chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Do chị K không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh B vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án anh B không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án liên quan đến tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp nên HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Chu Thị K là nguyên đơn trong vụ án nên chị K phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan về hệ hôn nH: Xử cho chị Chu Thị K được ly hôn với anh Phạm Đình B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Gia H, sinh ngày 28/8/2016 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xét xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Chu Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai số: 0001214, ngày 30/10/2024. Xác nhận chị K đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh B vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã An Tập;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà